

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẠCH MAI

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
1	Sở Nội Vụ	1.014680	Thủ tục tặng, truy tặng “Huy chương Thanh niên xung phong về vàng”	TĐ-KT	77/QĐ-BNV ngày 14/01/2026	365/QĐ-TTPVHCC ngày 25/3/2026	483/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
2	Sở Nội Vụ	1.014149	Thủ tục xét tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	TĐ-KT	821/QĐ-BNV ngày 01/8/2025	1169/QĐ-TTPVHCC ngày 12/8/2025	1231/QĐ-TTPVHCC ngày 29/8/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
3	Sở Nội Vụ	1.014150	Thủ tục xét truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	TĐ-KT	821/QĐ-BNV ngày 01/8/2025	1169/QĐ-TTPVHCC ngày 12/8/2025	1231/QĐ-TTPVHCC ngày 29/8/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
4	Sở Nội Vụ	1.013744	Giải quyết chế độ đối với quân nhân, cán bộ đi chiến trường B,C,K trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước không có thân nhân phải trực tiếp nuôi dưỡng và quân nhân, cán bộ được đăng cư ở lại miền Nam hoạt động sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 đối với cán bộ dân, chính, đảng thuộc diện Trung ương quản lý	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
5	Sở Nội Vụ	1.013745	Xác nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người có công với cách mạng và thân nhân	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
6	Sở Nội Vụ	1.010772	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
7	Sở Nội Vụ	1.010773	Tổ chức phát động học tập tấm gương trong phạm vi cả nước đối với trường hợp hy sinh, bị thương quy định tại điểm k khoản 1 Điều 14 và điểm k khoản 1 Điều 23 Pháp lệnh	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
8	Sở Nội Vụ	1.010774	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh nhưng chưa được cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 31 tháng 12 năm 1994 trở về trước	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	5146/QĐ-TTPVHCC ngày 15/10/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
9	Sở Nội Vụ	1.010778	Cấp lại Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
10	Sở Nội Vụ	1.010781	Cấp Bằng “Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh hoặc mất tích trong chiến tranh	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2026	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
11	Sở Nội Vụ	1.010783	Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do Bộ Nội vụ quản lý	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
12	Sở Nội Vụ	1.010775	Cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” đối với người hy sinh thuộc các trường hợp quy định tại Điều 14 Pháp lệnh nhưng chưa được cấp “Bằng Tổ quốc ghi công” mà thân nhân đã được giải quyết chế độ ưu đãi từ ngày 01/01/1995 đến ngày 30/9/2006	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	5146/QĐ-TTPVHCC ngày 15/10/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
13	Sở Nội Vụ	1.010777	Cấp đổi Bằng “Tổ quốc ghi công”	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Liên thông TW	TW			Điểm hỗ trợ DVC số
14	Sở Nội Vụ	1.004964	Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm-pu-chi-a	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	1082/QĐ-TTPVHCC ngày 18/7/2025	1142/QĐ-TTPVHCC ngày 05/8/2025	Không quy định	Cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	3723/QĐ-UBND ngày 09/7/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
15	Sở Nội Vụ	1.013750	Thăm viếng mộ liệt sĩ	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2041	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
16	Sở Nội Vụ	2.002307	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với cựu chiến binh	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
17	Sở Nội Vụ	2.002308	Thủ tục giải quyết chế độ mai táng phí đối với Thanh niên xung phong thời kỳ chống Pháp	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
18	Sở Nội Vụ	1.010822	Giải quyết phụ cấp đặc biệt hằng tháng đối với thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên, bệnh binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 81% trở lên	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
19	Sở Nội Vụ	1.010811	Cấp tiền mua phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý	Người có công	1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025	1559/QĐ-TTPVHCC ngày 10/11/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
20	Sở Nội Vụ	1.010821	Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
21	Sở Nội Vụ	1.010824	Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi từ trần	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	391/TB-TTPVHCC ngày 31/12/2025	5146/QĐ-TTPVHCC ngày 15/10/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
22	Sở Nội Vụ	1.010829	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	1025/QĐ-BNV ngày 10/9/2025	1559/QĐ-TTPVHCC ngày 10/11/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
23	Sở Nội Vụ	1.010830	Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
24	Sở Nội Vụ	1.010804	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
25	Sở Nội Vụ	1.010805	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2031	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
26	Sở Nội Vụ	1.010833	Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2041	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1053/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
27	Sở Nội Vụ	2.000134	Khai báo với Sở Nội vụ địa phương khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động	An toàn, VSLĐ	323/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	1722/QĐ-TTPVHCC ngày 16/12/2025	1723/QĐ-TTPVHCC ngày 16/12/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	4515/ QĐ-SNV ngày 02/12/2025	31/12/2026	Điểm hỗ trợ DVC số
28	Sở Nội Vụ	1.000502	Nhận lại tiền ký quỹ của doanh nghiệp đưa người lao động đi đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề ở nước ngoài (hợp đồng dưới 90 ngày)	Quản lý lao động ngoài nước	322/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	1031/QĐ-TTPVHCC ngày 04/7/2025	1227/QĐ-TTPVHCC ngày 28/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
29	Sở Nội Vụ	1.005132	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập dưới 90 ngày	Quản lý lao động ngoài nước	322/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	1031/QĐ-TTPVHCC ngày 04/7/2025	1227/QĐ-TTPVHCC ngày 28/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3176/QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
30	Sở Nội Vụ	1.014196	Cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2026	435/QĐ - TTPVHCC ngày 06/04/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
31	Sở Nội Vụ	1.014197	Cấp lại giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2026	435/QĐ - TTPVHCC ngày 06/04/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
32	Sở Nội Vụ	1.014198	Gia hạn giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2026	435/QĐ - TTPVHCC ngày 06/04/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
33	Sở Nội Vụ	1.014199	Cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2026	435/QĐ - TTPVHCC ngày 06/04/2026	Lệ phí: 400.000 đồng/ 1 giấy phép.	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
34	Sở Nội Vụ	1.014200	Cấp lại giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2026	435/QĐ - TTPVHCC ngày 06/04/2026	Lệ phí: 300.000 đồng/ 1 giấy phép.	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
35	Sở Nội Vụ	1.014201	Gia hạn giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam	Việc làm	346/QĐ-BNV ngày 24/3/2026	396/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2026	435/QĐ - TTPVHCC ngày 06/04/2026	Lệ phí: 300.000 đồng/ 1 giấy phép.	Cấp xã	UBND cấp xã	114/QĐ-SNV ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
36	Sở Nội Vụ	2.001955	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp	Lao động, tiền lương	628/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1043/QĐ-TTPVHCC ngày 09/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	3189/ QĐ-SNV ngày 20/6/2025	28/02/2027	Điểm hỗ trợ DVC số
37	Sở Nội Vụ	1.012091	Đề nghị việc sử dụng người chưa đủ 13 tuổi làm việc	Lao động, tiền lương	Quyết định số 499/QĐ-BNV ngày 17/5/2025	Quyết định số 120/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	234/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 76/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
38	Sở Nội Vụ	1.014942	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	Quỹ	217/QĐ-BNV ngày 09/3/2032	372/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2032	430/QĐ-TTPVHCC ngày 4/2/2032	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
39	Sở Nội Vụ	1.014943	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận Hội đồng quản lý quỹ; Công nhận Hội đồng quản lý quỹ khi thay đổi, bổ sung thành viên hoặc hết nhiệm kỳ	Quỹ	217/QĐ-BNV ngày 09/3/2033	372/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2033	430/QĐ-TTPVHCC ngày 4/2/2033	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
40	Sở Nội Vụ	1.014944	Thủ tục công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	Quỹ	217/QĐ-BNV ngày 09/3/2034	372/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2034	430/QĐ-TTPVHCC ngày 4/2/2034	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
41	Sở Nội Vụ	1.014945	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn hoạt động	Quỹ	217/QĐ-BNV ngày 09/3/2035	372/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2035	430/QĐ-TTPVHCC ngày 4/2/2035	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
42	Sở Nội Vụ	1.014946	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ	Quỹ	217/QĐ-BNV ngày 09/3/2036	372/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2036	430/QĐ-TTPVHCC ngày 4/2/2036	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
43	Sở Nội Vụ	1.014947	Thủ tục quỹ tự giải thể	Quỹ	217/QĐ-BNV ngày 09/3/2037	372/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2037	430/QĐ-TTPVHCC ngày 4/2/2037	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
44	Sở Nội Vụ	1.013702	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
45	Sở Nội Vụ	1.013703	Thủ tục thành lập hội.	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
46	Sở Nội Vụ	1.013704	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
47	Sở Nội Vụ	1.013706	Thủ tục thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội.	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	5146/QĐ-TTPVHCC ngày 15/10/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
48	Sở Nội Vụ	1.013707	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
49	Sở Nội Vụ	1.013708	Thủ tục hội tự giải thể.	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
50	Sở Nội Vụ	1.013709	Thủ tục cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
51	Sở Nội Vụ	1.013710	Thủ tục hỗ trợ chi phí y tế và thu nhập thực tế bị mất hoặc giảm sút cho người đang trực tiếp tham gia hoạt động chữ thập đỏ bị tai nạn dẫn đến thiệt hại về sức khỏe	Hội	627/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	963/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1062/QĐ-TTPVHCC ngày 12/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
52	Sở Nội Vụ	1.010816	Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	95/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHCC ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
53	Sở Nội Vụ	1.010817	Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	95/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHCC ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
54	Sở Nội Vụ	1.010818	Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	95/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHCC ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
55	Sở Nội Vụ	1.010819	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	95/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHCC ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
56	Sở Nội Vụ	1.010820	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	Người có công	639/QĐ-BNV ngày 20/6/2025	95/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHCC ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
57	Sở Nội Vụ	1.014359	Giải quyết chế độ mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Người có công	1136/QĐ-BNV ngày 03/10/2025	95/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHCC ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
58	Sở Nội Vụ	1.010827	Di chuyển hồ sơ khi người hưởng trợ cấp ưu đãi thay đổi nơi thường trú (Đối với trường hợp Người có công di chuyển trong Thành phố)	Người có công	320/QĐ-BNV ngày 08/4/2025	95/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	105/QĐ-TTPVHCC ngày 22/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	số 71/QĐ-SNV ngày 13/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
59	Sở Nội Vụ	2.002821	Hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn, người lao động là thanh niên	Lĩnh vực đào tạo nghề	Quyết định số 1561/QĐ-BNV ngày 31/12/2025	124/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	306/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
60	Sở Nội Vụ		Tổ chức tiếp nhận, xử lý hồ sơ đăng ký kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu đối với sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn theo Danh mục tại Phụ lục II kèm theo Thông tư 09/2025/TT-BNV ngày 18/6/2025 của BNV quy định về phân định thẩm quyền và phân cấp thực hiện nhiệm vụ QLNN lĩnh vực Nội vụ	QL sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu				Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 22/05/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
61	Sở Y tế	1.014028	Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	2180/QĐ-BYT ngày 30/06/2025	1051/QĐ-TTPVHCC ngày 10/07/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
62	Sở Y tế	1.014027	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	Bảo trợ xã hội	2180/QĐ-BYT ngày 30/06/2025	1051/QĐ-TTPVHCC ngày 10/07/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
63	Sở Y tế	2.001088	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	Dân số, Bà mẹ Trẻ em	792/QĐ-BYT ngày 12/03/2013	95/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2025	1268/QĐ-TTPVHCC ngày 09/09/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
64	Sở Y tế	1.009407	Công bố đáp ứng tiêu chuẩn chế biến, bảo chế thuốc cổ truyền đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền trực thuộc quản lý của Sở Y tế	Y Dược cổ truyền	2831/QĐ-BYT ngày 04/7/201	1395/QĐ-TTPVHCC ngày 02/10/2025	1483/QĐ-TTPVHCC ngày 24/10/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	02/QĐ-SYT ngày 01/01/2026	31/12/2026	Chi nhánh TTPVHCC
65	Sở Y tế	1.001776	Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
66	Sở Y tế	1.001653	Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	970/QĐ-BYT ngày 21/03/2025	626/QĐ-TTPVHCC ngày 17/04/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
67	Sở Y tế	2.001942	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	Trẻ em	2082/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1298/QĐ-TTPVHCC ngày 18/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
68	Sở Y tế	2.001944	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	2082/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1268/QĐ-TTPVHCC ngày 09/09/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
69	Sở Y tế	1.004941	Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	Trẻ em	2082/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1298/QĐ-TTPVHCC ngày 18/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
70	Sở Y tế	2.001947	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	Trẻ em	2082/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1268/QĐ-TTPVHCC ngày 09/09/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
71	Sở Y tế	1.004946	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	Trẻ em	2082/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1268/QĐ-TTPVHCC ngày 09/09/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Chi cục Dân số, Trẻ em và Phòng, chống tệ nạn xã hội; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
72	Sở Y tế	1.001699	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	Bảo trợ xã hội	970/QĐ-BYT ngày 21/03/2025	626/QĐ-TTPVHCC ngày 17/04/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
73	Sở Y tế	2.000355	Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
74	Sở Y tế	1.001731	Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
75	Sở Y tế	1.013855	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, cơ sở sản xuất thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế	An toàn thực phẩm	2495/QĐ-BYT ngày 04/8/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1483/QĐ-TTPVHCC ngày 24/10/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; UBND cấp xã	1555/QĐ-SYT; 53/2025/QĐ-UBND	28/02/2027	Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
76	Sở Y tế	1.013851	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	An toàn thực phẩm	2076/QĐ-BYT ngày 24/6/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1483/QĐ-TTPVHCC ngày 24/10/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm; UBND cấp xã	1555/QĐ-SYT 53/2025/QĐ-UBND	28/02/2027	Chi nhánh TTPVHCC
77	Sở Y tế	1.002944	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế	Phòng bệnh	2495/QĐ-BYT ngày 04/08/2025	1395/QĐ-TTPVHCC ngày 02/10/2025	1483/QĐ-TTPVHCC ngày 24/10/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	02/QĐ-SYT ngày 01/01/2026	31/12/2026	Điểm hỗ trợ DVC số
78	Sở Y tế	1.002467	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm	Phòng bệnh	2495/QĐ-BYT ngày 04/08/2025	1395/QĐ-TTPVHCC ngày 02/10/2025	1483/QĐ-TTPVHCC ngày 24/10/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	02/QĐ-SYT ngày 01/01/2026	31/12/2026	Điểm hỗ trợ DVC số
79	Sở Y tế	2.000282	Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1186/QĐ-TTPVHCC ngày 16/08/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã; Cơ sở trợ giúp xã hội			Điểm hỗ trợ DVC số
80	Sở Y tế	2.000286	Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	Bảo trợ xã hội	2072/QĐ-BYT ngày 24/06/2025	954/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1483/QĐ-TTPVHCC ngày 24/10/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã; Cơ sở trợ giúp xã hội			Điểm hỗ trợ DVC số
81	Sở Y tế	2.001661	Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	2179/QĐ-BYT ngày 30/06/2025	1027/QĐ-TTPVHCC ngày 03/07/2025	1268/QĐ-TTPVHCC ngày 09/09/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
82	Sở Văn hóa thể thao	1.014312	Thủ tục thời hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	3101/QĐ-BVHTTDL ngày 26/08/2025	1259/QĐ-TTPVHCC ngày 08/9/2025	1266/QĐ-TTPVHCC ngày 09/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
83	Sở Văn hóa thể thao	1.014310	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	Di sản văn hóa	3101/QĐ-BVHTTDL ngày 26/08/2025	1259/QĐ-TTPVHCC ngày 08/9/2025	1266/QĐ-TTPVHCC ngày 09/9/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
84	Sở Văn hóa thể thao	1.013793	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/06/2025	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
85	Sở Văn hóa thể thao	1.013794	Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/06/2025	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
86	Sở Văn hóa thể thao	1.013792	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử	4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025	1666/QĐ-TTPVHCC NGÀY 11/12/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
87	Sở Văn hóa thể thao	1.013791	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	Văn hóa	2069/QĐ-BVHTTDL ngày 19/06/2025	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
88	Sở Văn hóa thể thao	2.001594	Cấp giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	4508/QĐ-BVHTTDL ngày 28/11/2025	1666/QĐ-TTPVHCC ngày 11/12/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
89	Sở Văn hóa thể thao	1.003725	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (địa phương)	Xuất Bản, In và Phát hành	2302/QĐ-BVHTTDL ngày 02/07/2025	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
90	Sở Văn hóa thể thao	1.012085	Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	Gia đình	3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023	558/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
91	Sở Văn hóa thể thao	1.012084	Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	Gia đình	3657/QĐ-BVHTTDL ngày 29/11/2023	558/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
92	Sở Văn hóa thể thao	1.000485	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin	Thẻ dục thể thao	5001/QĐ-BVHTTDL	177/QĐ-TTPVHCC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
93	Sở Văn hóa thể thao	1.000544	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, vovinam	Thẻ dục thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	1666/QĐ-TTPVHCC NGÀY 11/12/2025	314/QĐ-TTPVHCC ngày 15/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
94	Sở Văn hóa thể thao	1.001809	Thủ tục cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân Thành phố)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh, triển lãm	3684/QĐ-BVHTTDL	558/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	18/QĐ-SVHTT ngày 12/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
95	Sở Văn hóa thể thao	1.004650	Thủ tục tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn	Quảng cáo	190/QĐ-BVHTTDL	217/QĐ-TTPVHCC ngày 13/2/2026	314/QĐ-TTPVHCC ngày 15/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
96	Sở Văn hóa thể thao	2.000794	Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể dục thể thao cơ sở	Thẻ dục thể thao	109/QĐ-BVHTTDL ngày 19/01/2025	177/QĐ-TTPVHCC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
97	Sở Văn hóa thể thao	1.003622	Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	Văn hóa	3684/QĐ-BVHTTDL	558/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
98	Sở Văn hóa thể thao	1.003784	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh Thành phố	Hoạt động mua bán quốc tế chuyên ngành văn hóa	696/QĐ-BVHTTDL	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
99	Sở Văn hóa thể thao	1.003743	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu Thành phố	Văn hóa	696/QĐ-BVHTTDL	558/QĐ-TTPVHCC ngày 31/3/2025	607/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
100	Sở Văn hóa thể thao	1.000842	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo	Thẻ dục thể thao	5001/QĐ-BVHTTDL	177/QĐ-TTPVHCC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
101	Sở Văn hóa thể thao	1.000904	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate	Thẻ dục thể thao	5001/QĐ-BVHTTDL	177/QĐ-TTPVHCC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
102	Sở Văn hóa thể thao	1.001195	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo	Thẻ dục thể thao	5001/QĐ-BVHTTDL	177/QĐ-TTPVHCC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000 đồng/lần thẩm định	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
103	Sở Văn hóa thể thao	1.001213	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển	Thẻ dục thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	1666/QĐ-TTPVHCC NGÀY 11/12/2025	314/QĐ-TTPVHCC ngày 15/3/2026	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
104	Sở Văn hóa thể thao	1.001517	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao	Thẻ dục thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	1666/QĐ-TTPVHCC NGÀY 11/12/2025	314/QĐ-TTPVHCC ngày 15/3/2026	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
105	Sở Văn hóa thể thao	1.005162	Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu	Thẻ dục thể thao	5001/QĐ-BVHTTDL	177/QĐ-TTPVHCC ngày 06/02/2026	340/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
106	Sở Văn hóa thể thao	1.005357	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí	Thẻ dục thể thao	4508/QĐ-BVHTTDL	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	314/QĐ-TTPVHCC ngày 15/3/2026	PHÍ THẨM ĐỊNH: Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp: 1.000.000 đồng/lần thẩm định.	Cấp Xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
107	Sở Văn hóa thể thao	1.003729	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	682/QĐ-BVHTTDL	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
108	Sở Văn hóa thể thao	2.001584	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	682/QĐ-BVHTTDL	959/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1122/QĐ-TTPVHCC ngày 31/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã	18/QĐ-SVHTT ngày 12/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
109	Sở Văn hóa thể thao	1.000963	Thủ tục cấp giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke Thành phố	Văn hóa	5037/QĐ-BVHTTDL	1560/QĐ-TTPVHCC ngày 10/11/2025	1573/QĐ-TTPVHCC ngày 13/11/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	66/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Phân cấp về xã	Điểm hỗ trợ DVC số
110	Sở Văn hóa thể thao	2.001740	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	776/QĐ-BVHTTDL ngày 07/04/2026	513/QĐ-TTPVHCC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
111	Sở Văn hóa thể thao	2.001737	Xác nhận thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in (cơ sở in có trụ sở và chi nhánh/xưởng in tại cùng 01 xã/phường)	Xuất Bản, In và Phát hành	776/QĐ-BVHTTDL ngày 07/04/2026	513/QĐ-TTPVHCC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã	93/QĐ-SVHTT ngày 07/2/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
112	Sở Văn hóa thể thao	1.001029	Thủ tục cấp giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke Thành phố	Văn hóa	776/QĐ-BVHTTDL ngày 07/04/2026	513/QĐ-TTPVHCC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã	66/2025/QĐ-UBND ngày 09/10/2025	Phân cấp về xã	Điểm hỗ trợ DVC số
113	Sở Văn hóa thể thao	1.014475	Thủ tục hành chính liên thông điện tử về cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke	Văn hóa	776/QĐ-BVHTTDL ngày 07/04/2026	513/QĐ-TTPVHCC ngày 17/4/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
114	Sở Nông nghiệp Môi trường	3.000502	Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2653/QĐ-BNNMT ngày 11/07/2025	1344/QĐ-TTPVHCC ngày 22/9/2025	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
115	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013967	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2304/QĐ-BNNMT ngày 23/06/2025	956/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
116	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012812	Hòa giải tranh chấp đất đai	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2304/QĐ-BNNMT ngày 23/06/2025	956/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
117	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012837	Phê duyệt hỗ trợ kinh phí đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2303/QĐ-BNNMT ngày 23/06/2025	592/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2025	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
118	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012836	Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitor lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liệu tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	Chăn nuôi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2303/QĐ-BNNMT ngày 23/06/2025	592/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2025	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
119	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012695	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	1215/QĐ-BNNMT ngày 29/04/2025	1344/QĐ-TTPVHCC ngày 22/9/2025	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
120	Sở Nông nghiệp Môi trường	3.000250	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2261/QĐ-BNNMT ngày 20/06/2025	1344/QĐ-TTPVHCC ngày 22/9/2025	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
121	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.011471	Phê duyệt Phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2391/QĐ-BNNMT ngày 27/06/2025	1018/QĐ-TTPVHCC ngày 30/6/2025	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
122	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003596	Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	Nông nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	1597/QĐ-BNNMT ngày 23/05/2025	955/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	443/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
123	Sở Nông nghiệp Môi trường	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2309/QĐ-BNNMT ngày 23/06/2025	246/QĐ-TTPVHCC ngày 26/02/2026	386/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	700.000 đồng/cơ sở	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
124	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.005412	Phê duyệt đối tượng được hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp	Bảo hiểm (Bộ Tài chính)	2194/QĐ-BTC ngày 27/06/2025	1054/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	443/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
125	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013040	Thủ tục khai, nộp phí bảo vệ môi trường đối với khí thải	Quản lý thuế, phí, lệ phí và thu khác của ngân sách nhà nước (Bộ Tài chính)	4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025	94/QĐ-TTPVHCC ngày 21/01/2026	240/QĐ-TTPVHC ngày 25/02/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
126	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013965	Sử dụng đất kết hợp đa mục đích, gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
127	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014258	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	279/QĐBNNMT ngày 23/01/2026	230/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2025	330/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	Chủ tịch UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVHCC
128	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014259	Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (cấp Xã)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	279/QĐBNNMT ngày 23/01/2026	230/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2025	330/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	Chủ tịch UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVHCC
129	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014256	Xác nhận đăng ký thu hồi khoáng sản (Thành phố)	Địa chất và khoáng sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	279/QĐBNNMT ngày 23/01/2026	230/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2025	330/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
130	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.001662	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
131	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004167	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
132	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004223	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
133	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004211	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
134	Sở Nông nghiệp Môi trường	2.001770	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành .	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
135	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004283	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
136	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.000824	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
137	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.011518	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
138	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004232	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
139	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004228	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m3/ngày đêm	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Việc thu Phí, Lệ phí thực hiện theo quy định của Luật phí và lệ phí, các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí và theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố (các khoản thuế, thu khác có liên quan thực hiện theo các quy định hiện hành)	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
140	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012500	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước.	Tài nguyên nước (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	248/QĐBNNMT ngày 20/01/2026	233/QĐ-TTPVHCC ngày 14/02/2026	328/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
141	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003434	Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2299/QĐ-BNN ngày 23/6/2025	252/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
142	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.011606	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo định kỳ hằng năm	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2306/QĐ-BNN ngày 23/6/2025	252/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
143	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.011607	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	967/QĐ-BNN ngày 18/4/2025	252/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
144	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.011608	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo thường xuyên hằng năm	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	967/QĐ-BNN ngày 18/4/2025	252/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
145	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.011609	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	967/QĐ-BNN ngày 18/4/2025	252/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
146	Sở Nông nghiệp Môi trường	3.000412	Công nhận người lao động có thu nhập thấp	Giám nghèo (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	967/QĐ-BNN ngày 18/4/2025	252/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	344/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
147	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013997	Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	Thú y (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	2313/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025	253/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	383/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
148	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003956	Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026	253/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	383/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
149	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004498	Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026	253/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	383/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
150	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004680	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp và các loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026	253/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	383/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
151	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.004656	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026	253/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	383/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
152	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014801	Cấp, cấp lại Giấy xác nhận nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực (hoạt động trên nội địa thuộc phạm vi quản lý và cơ sở nuôi trồng thủy sản lồng bè thuộc thẩm quyền giao khu vực biển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã)	Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	53/QĐ-BNNMT ngày 09/01/2026	253/QĐ-TTPVHCC ngày 01/3/2025	383/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Chưa có văn bản quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
153	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.008004	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi trên đất trồng lúa	Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	1000/QĐ-BNNMT ngày 22/04/2025	273/QĐ-TTPVHCC ngày 04/3/2026	559/QĐ-TTPVHCC ngày 23/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
154	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012531	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026	276/QĐ-TTPVHCC ngày 05/3/2026	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
155	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.007919	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026	276/QĐ-TTPVHCC ngày 05/3/2026	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
156	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012922	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026	276/QĐ-TTPVHCC ngày 05/3/2026	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
157	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014832	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026	276/QĐ-TTPVHCC ngày 05/3/2026	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
158	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012694	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	Kiểm lâm (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	364/QĐ-BNNMT ngày 29/01/2026	276/QĐ-TTPVHCC ngày 05/3/2026	439/QĐ-TTPVHCC ngày 06/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
159	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	494/QĐ-BNNMT ngày 06/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
160	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	Quản lý Đê điều và Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	494/QĐ-BNNMT ngày 06/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
161	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014849	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
162	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014850	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
163	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014851	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
164	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014852	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
165	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014853	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nô mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
166	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014854	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
167	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014859	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
168	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014860	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
169	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014862	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
170	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014863	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
171	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014864	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
172	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014865	Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
173	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
174	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
175	Sở Nông nghiệp Môi trường	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
176	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã.	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
177	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
178	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND Thành phố phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	Thủy lợi (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	498/QĐ-BNNMT ngày 09/02/2026	331/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	388/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
179	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (Thành phố)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026	459/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026	Chi tiết tại Quyết định số 209/QĐ-TTPVHCC ngày 12/02/2026	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	231/QĐ-UBND ngày 15/01/2026; 1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
180	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010727	Cấp giấy phép môi trường (Thành phố)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026	459/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026	- Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng/hồ sơ; - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng/hồ sơ; - Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: 4.200.000 đồng/hồ sơ;	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
181	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường (Thành phố)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026	459/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026	- Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 6.850.000 đồng. - Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường đối với Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: 4.200.000 đồng.	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
182	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường (Thành phố)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	418/QĐ-BNNMT ngày 31/01/2026	459/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026	- Dự án đầu tư, cơ sở đã có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: 7.950.000 đồng. - Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường: 13.400.000 đồng. - Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đáp ứng các yêu cầu sau đây: không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; không thuộc trường hợp phải quan trắc khí thải tự động, liên tục, quan trắc định kỳ theo quy định tại Nghị định 16/2022/NĐ-CP	Thành phố, cấp xã	Giám đốc Sở; Chủ tịch UBND cấp xã	1315/QĐ-UBND ngày 25/3/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
183	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.010736	Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường (cấp xã) (1.010736)	Môi trường (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	973/QĐ-BNNMT ngày 18/04/2025	459/QĐ-TTPVHCC ngày 09/4/2026	551/QĐ-TTPVHCC ngày 22/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
184	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.014275	Tổ chức kinh tế nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
185	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013979	Tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông đối với trường hợp thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	956/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
186	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013978	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
187	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013953	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do sai sót về ranh giới, vị trí, diện tích, mục đích sử dụng giữa bản đồ quy hoạch, bản đồ địa chính, quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và số liệu bản giao đất trên thực địa	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
188	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013952	Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; điều chỉnh thời hạn sử dụng đất của dự án đầu tư.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
189	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013950	Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
190	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013962	Giao đất ở có thu tiền sử dụng đất không thông qua đấu giá, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với cá nhân là cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan tại ngũ, quân nhân chuyên nghiệp, công chức quốc phòng, công nhân và viên chức quốc phòng, sĩ quan, hạ sĩ quan, công nhân công an, người làm công tác cơ yếu và người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà chưa được giao đất ở, nhà ở; giáo viên, nhân viên y tế đang công tác tại các xã biên giới, hải đảo thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nhưng chưa có đất ở, nhà ở tại nơi công tác hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; cá nhân thường trú tại xã mà không có đất ở và chưa được Nhà nước giao đất ở hoặc chưa được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở.	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
191	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.013949	Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; trường hợp giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất; giao đất và giao rừng; cho thuê đất và cho thuê rừng, gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
192	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012818	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	956/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1077/QĐ-TTPVHC ngày 17/7/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí.	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
193	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012796	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp lần đầu có sai sót	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	956/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
194	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012817	Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân đã được cấp Giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	956/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
195	Sở Nông nghiệp Môi trường	1.012753	Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với tổ chức đang sử dụng đất	Đất đai (Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	445/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026	1285/QĐ-TTPVHCC ngày 12/9/2025	1489/QĐ-TTPVHC ngày 27/10/2025	Theo quy định của Luật phí và lệ phí và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn Luật phí và lệ phí	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
196	Sở Nông nghiệp Môi trường	-	Hỗ trợ mua máy cấy, hệ thống thiết bị gieo mạ phục vụ cơ giới hóa trong sản xuất lúa (Thực hiện theo khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
197	Sở Nông nghiệp Môi trường	-	Hỗ trợ xây dựng nhà màng, nhà lưới để sản xuất một số loại cây trồng có giá trị kinh tế cao (áp dụng cho sản xuất rau, hoa không dùng đất: giá thể, thủy canh hoặc khí canh) (Thực hiện theo Điều 9 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
198	Sở Nông nghiệp Môi trường	-	Hỗ trợ phát triển sản xuất trồng trọt hữu cơ (Thực hiện theo Điều 17 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
199	Sở Nông nghiệp Môi trường	-	Hỗ trợ trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải trong chăn nuôi (Thực hiện theo Điều 20 Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025)	Nông nghiệp	(TTHC đặc thù) Nghị quyết số 53/2025/NQ-HĐND ngày 26/11/2025	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	482/QĐ-TTPVHCC ngày 13/4/2026	Không quy định	Cấp Xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
200	Sở Công Thương	3.000256	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho nhà nước theo quy định của pháp luật	Quản lý công sản	337/QĐ-BTC ngày 27/02/2024	2328/QĐ-UBND ngày 04/5/2025	5629/QĐ-UBND ngày 28/10/2024	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVHCC
201	Sở Công Thương	3.000257	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước	Quản lý công sản	4191/QĐ-BTC ngày 17/12/2025	Quyết định số 2328/QĐ-UBND ngày 04/5/2025	1140/QĐ-TTPVHCC ngày 05/8/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVHCC
202	Sở Công Thương	2.000591	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	QĐ 291/QĐ-TTPVHCC ngày 08/03/2026	332/QĐ-TTPVHCC ngày 18/03/2026	Phí thẩm định: 2.500.000đ/lần/cơ sở	Thành phố, cấp xã	Sở, UBND cấp xã	230/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
203	Sở Công Thương	2.000535	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm	An toàn thực phẩm	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	QĐ 291/QĐ-TTPVHCC ngày 08/03/2026	332/QĐ-TTPVHCC ngày 18/03/2026	Phí thẩm định: 2.500.000đ/lần/cơ sở	Thành phố, cấp xã	Sở, UBND cấp xã	230/QĐ-UBND ngày 15/01/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
204	Sở Công Thương	2.000033	Thông báo hoạt động khuyến mại	Xúc tiến thương mại	2902/QĐ-BCT ngày 04/11/2024	291/QĐ-TTPVHCC ngày 08/03/2026	332/QĐ-TTPVHCC ngày 18/03/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở, UBND cấp xã	71/QĐ-SCT ngày 28/01/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
205	Sở Công Thương	2.001474	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại	Xúc tiến thương mại	2902/QĐ-BCT ngày 04/11/2024	291/QĐ-TTPVHCC ngày 08/03/2026	332/QĐ-TTPVHCC ngày 18/03/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở, UBND cấp xã	71/QĐ-SCT ngày 28/01/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
206	Sở Công Thương	2.000609	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo về bán hàng đa cấp	Quản lý bán hàng đa cấp -> Quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp	1299/QĐ-BCT ngày 31/05/2023	2804/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 QĐ 291/QĐ-TTPVHCC ngày 08/03/2026	332/QĐ-TTPVHCC ngày 18/03/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	71/QĐ-SCT ngày 28/01/2026	31/12/2028	Chi nhánh TTPVHCC
207	Sở Công Thương	2.000620	Cấp Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
208	Sở Công Thương	2.000615	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	1752/QĐ-BCT ngày 19/06/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
209	Sở Công Thương	2.001240	Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu	Lưu thông hàng hóa trong nước	1752/QĐ-BCT ngày 19/06/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
210	Sở Công Thương	2.000181	Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	563/QĐ-TTPVHCC ngày 3/4/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
211	Sở Công Thương	2.000162	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	1781/QĐ-BCT ngày 23/06/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	563/QĐ-TTPVHCC ngày 3/4/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
212	Sở Công Thương	2.000150	Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá	Lưu thông hàng hóa trong nước	3783/QĐ-BCT ngày 30/12/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	563/QĐ-TTPVHCC ngày 3/4/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
213	Sở Công Thương	2.000633	Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
214	Sở Công Thương	2.000629	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	QĐ 1493/QĐ-TTPVHCC ngày 27/10/2025	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
215	Sở Công Thương	1.001279	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh	Lưu thông hàng hóa trong nước	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
216	Sở Công Thương	2.000206	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình vùng hạ du đập thủy điện thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1118/QĐ-TTPVHCC ngày 31/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
217	Sở Công Thương	1.012568	Giao tài sản kết cấu hạ tầng chợ do cấp xã quản lý	Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư quản lý	1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/08/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
218	Sở Công Thương	2.001283	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/08/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
219	Sở Công Thương	2.001261	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	2187/QĐ-TTPVHCC ngày 29/12/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
220	Sở Công Thương	2.001270	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai	Kinh doanh Khí	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	282/QĐ-TTPVHCC ngày 06/3/2026	2187/QĐ-TTPVHCC ngày 29/12/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
221	Sở Công Thương	1.012569	Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng chợ	Phát triển và quản lý chợ	1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1125/QĐ-TTPVHCC ngày 01/08/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
222	Sở Công Thương	1.012427	Thành lập/mở rộng cụm công nghiệp	Cụm công nghiệp	1752/QĐ-BCT ngày 19/6/2025	QĐ 931/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	301/QĐ-TTPVHCC ngày 12/03/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
223	Sở Công Thương	2.001384	Phê duyệt phương án cấm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ đập thủy điện	An toàn đập, hồ chứa thủy điện	2866/QĐ-BCT ngày 13/10/2025	QĐ 1493/QĐ-TTPVHCC ngày 27/10/2025	2187/QĐ-TTPVHCC ngày 29/12/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
224	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012961	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
225	Sở Giáo dục Đào tạo	1.006390	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	Giáo dục mầm non	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
226	Sở Giáo dục Đào tạo	1.006444	Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục mầm non	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
227	Sở Giáo dục Đào tạo	1.006445	Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	Giáo dục mầm non	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
228	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012962	Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Giáo dục mầm non	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
229	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012963	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
230	Sở Giáo dục Đào tạo	2.001842	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	Giáo dục tiểu học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
231	Sở Giáo dục Đào tạo	1.004552	Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục tiểu học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
232	Sở Giáo dục Đào tạo	1.004563	Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	Giáo dục tiểu học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
233	Sở Giáo dục Đào tạo	1.001639	Giải thể trường tiểu học (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường tiểu học)	Giáo dục tiểu học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
234	Sở Giáo dục Đào tạo	1.005099	Chuyển trường đối với học sinh tiểu học	Giáo dục tiểu học	1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
235	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012964	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
236	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012965	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	Giáo dục trung học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
237	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012966	Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	Giáo dục trung học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
238	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012967	Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
239	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012968	Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	Giáo dục trung học	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
240	Sở Giáo dục Đào tạo	3.000182	Tuyển sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1693/QĐ-BGDĐT ngày 25/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
241	Sở Giáo dục Đào tạo	2.002481	Chuyển trường đối với học sinh trung học cơ sở	Giáo dục trung học	1693/QĐ-BGDĐT ngày 25/06/2025	333/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	341/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp xã	Cơ sở giáo dục	6527/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	31/12/2028	Cơ sở giáo dục
242	Sở Giáo dục Đào tạo	2.002482	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	Giáo dục trung học	1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025	333/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026	341/QĐ-TTPVHCC ngày 23/3/2026	Không quy định	Cấp xã	Cơ sở giáo dục	6527/QĐ-UBND ngày 30/12/2025	31/12/2028	Cơ sở giáo dục

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
243	Sở Giáo dục Đào tạo	2.002483	Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	Giáo dục trung học	1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
244	Sở Giáo dục Đào tạo	2.001904	Tiếp nhận đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học	2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
245	Sở Giáo dục Đào tạo	1.005108	Thuyên chuyển đối tượng học bỏ túc trung học cơ sở	Giáo dục trung học	2108/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2021	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
246	Sở Giáo dục Đào tạo	2.001960	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cấp đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	1674/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
247	Sở Giáo dục Đào tạo	2.002284	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc xã	Giáo dục nghề nghiệp	1674/QĐ-BGDĐT ngày 24/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
248	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012969	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
249	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012970	Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	Giáo dục thường xuyên	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
250	Sở Giáo dục Đào tạo	3.000307	Sáp nhập, chia tách trung tâm học tập cộng đồng	Giáo dục thường xuyên	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
251	Sở Giáo dục Đào tạo	3.000308	Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	Giáo dục thường xuyên	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
252	Sở Giáo dục Đào tạo	1.008725	Chuyển đổi trường tiểu học tư thực, trường trung học cơ sở tư thực và trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thực hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	843/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2026	Đang dự thảo	Đang dự thảo	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
253	Sở Giáo dục Đào tạo	1.003702	Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	711/QĐ-BGDĐT ngày 13/03/2023	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
254	Sở Giáo dục Đào tạo	1.001622	Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
255	Sở Giáo dục Đào tạo	1.008950	Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
256	Sở Giáo dục Đào tạo	1.008951	Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	1755/QĐ-BGDĐT ngày 27/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
257	Sở Giáo dục Đào tạo	3.000309	Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	Cơ sở giáo dục khác	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
258	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012975	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	Cơ sở giáo dục khác	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
259	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012971	Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cơ sở giáo dục khác	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
260	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012972	Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	Cơ sở giáo dục khác	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
261	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012973	Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	Cơ sở giáo dục khác	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
262	Sở Giáo dục Đào tạo	1.012974	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	Cơ sở giáo dục khác	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
263	Sở Giáo dục Đào tạo	2.002770	Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ học phí, hỗ trợ gạo	Cơ sở giáo dục khác	951/QĐ-BGDĐT ngày 09/04/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
264	Sở Giáo dục Đào tạo	2.002771	Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	Cơ sở giáo dục khác	951/QĐ-BGDĐT ngày 09/04/2025	1168/QĐ-TTPVHCC ngày 12/08/2025	1270/QĐ-TTPVHCC ngày 9/9/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
265	Sở Giáo dục Đào tạo	3.000315	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên	Giáo dục thường xuyên	1650/QĐ-BGDĐT ngày 20/06/2025	211/QĐ-TTPVHCC ngày 12/2/2026	212/QĐ-TTPVHCC ngày 12/2/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã	453/QĐ-QGDĐT ngày 23/01/2026	31/12/2028	Điểm hỗ trợ DVC số
266	Sở Giáo dục Đào tạo	1.014997	Xét, cấp học bổng chính sách đối với học viên cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục dành cho thương binh, người khuyết tật	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	843/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2026	Đang dự thảo	Đang dự thảo	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
267	Sở Giáo dục Đào tạo	1.014335	Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế, doanh nghiệp nhà nước	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2624/QĐ-BGDĐT ngày 17/09/2025	1403/QĐ-TTPVHCC ngày 07/10/2025	501/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
268	Sở Giáo dục Đào tạo	1.014336	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2624/QĐ-BGDĐT ngày 17/09/2025	1403/QĐ-TTPVHCC ngày 07/10/2025	501/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
269	Sở Giáo dục Đào tạo	1.014337	Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	Giáo dục và đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân	2624/QĐ-BGDĐT ngày 17/09/2025	1403/QĐ-TTPVHCC ngày 07/10/2025	501/QĐ-TTPVHCC ngày 15/4/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
270	Sở Giáo dục Đào tạo	1.014996	Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài đề nghị thành lập sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục mầm non	843/QĐ-BGDĐT ngày 09/4/2026	Đang dự thảo	Đang dự thảo	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
271	Sở Tư pháp	3.000323	Đăng ký giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
272	Sở Tư pháp	3.000322	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
273	Sở Tư pháp	2.000424	Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	Hòa giải ở cơ sở	3753/QĐ-BTP ngày 30/12/2025	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	309/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
274	Sở Tư pháp	2.000950	Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	QĐ/0001-BTP	295/QĐ-TTPVHCC ngày 08/3/2026	309/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
275	Sở Tư pháp	2.000930	Thủ tục thôi làm hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	2238/QĐ-BTP ngày 06/09/2018	295/QĐ-TTPVHCC ngày 08/3/2026	309/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
276	Sở Tư pháp	1.002211	Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	Hòa giải ở cơ sở	QĐ/0001-BTP	295/QĐ-TTPVHCC ngày 08/3/2026	309/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
277	Sở Tư pháp	2.002363	Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Nuôi con nuôi	361/QĐ-BTP ngày 23/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
278	Sở Tư pháp	2.002080	Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên	Hòa giải ở cơ sở	QĐ/0001-BTP	295/QĐ-TTPVHCC ngày 08/3/2026	309/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
279	Sở Tư pháp	2.002165	Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	Bồi thường nhà nước	3787/QĐ-BTP ngày 31/12/2025	295/QĐ-TTPVHCC ngày 08/3/2026	309/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
280	Sở Tư pháp	2.001255	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	1848/QĐ-BTP ngày 23/06/2025	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
281	Sở Tư pháp	2.001263	Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	Nuôi con nuôi	361/QĐ-BTP ngày 23/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
282	Sở Tư pháp	1.005461	Đăng ký lại khai tử	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
283	Sở Tư pháp	1.004746	Thủ tục đăng ký lại kết hôn	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
284	Sở Tư pháp	1.004772	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
285	Sở Tư pháp	1.004859	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
286	Sở Tư pháp	1.004845	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
287	Sở Tư pháp	1.004837	Thủ tục đăng ký giám hộ	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
288	Sở Tư pháp	1.000419	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
289	Sở Tư pháp	1.000689	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
290	Sở Tư pháp	1.001022	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
291	Sở Tư pháp	1.000593	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
292	Sở Tư pháp	1.003583	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
293	Sở Tư pháp	2.000913	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ giao dịch	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	30.000 đồng/giao dịch	Cấp xã	UBND cấp xã			Chi nhánh TTPVHCC
294	Sở Tư pháp	2.000497	Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
295	Sở Tư pháp	2.000513	Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
296	Sở Tư pháp	1.000893	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
297	Sở Tư pháp	2.000522	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
298	Sở Tư pháp	2.000547	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
299	Sở Tư pháp	2.000554	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
300	Sở Tư pháp	2.002189	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
301	Sở Tư pháp	2.000748	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
302	Sở Tư pháp	2.000756	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
303	Sở Tư pháp	1.001669	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
304	Sở Tư pháp	1.001695	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
305	Sở Tư pháp	2.000779	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
306	Sở Tư pháp	1.001766	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
307	Sở Tư pháp	2.000806	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
308	Sở Tư pháp	2.000528	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
309	Sở Tư pháp	1.000656	Thủ tục đăng ký khai tử	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
310	Sở Tư pháp	1.000894	Thủ tục đăng ký kết hôn	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
311	Sở Tư pháp	1.004873	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
312	Sở Tư pháp	1.001193	Thủ tục đăng ký khai sinh	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
313	Sở Tư pháp	2.000884	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được)	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	- Tại Ủy ban nhân dân cấp xã, Tổ chức hành nghề công chứng: 10.000 đồng/trường hợp (trường hợp được tính là một hoặc nhiều chữ ký trong một giấy tờ, văn bản). - Tại cơ quan đại diện: 10 USD/bản.	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
314	Sở Tư pháp	2.002516	Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
315	Sở Tư pháp	2.000635	Cấp bản sao Trích lục hộ tịch, bản sao Giấy khai sinh	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Phí: 8.000 đồng/bản sao trích lục/sự kiện hộ tịch đã đăng ký	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
316	Sở Tư pháp	2.000908	Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	đang chờ dự thảo	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
317	Sở Tư pháp	2.000815	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	Chứng thực	3152/QĐ-BTP ngày 31/10/2025	100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
318	Sở Tư pháp	1.004884	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	Hộ tịch	163/QĐ-BTP ngày 16/01/2026	216/QĐ-TTPVHCC ngày 13/02/2026	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
319	Sở Tư pháp	2.001008	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	10.000 đồng/trường hợp	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
320	Sở Tư pháp	2.000992	Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã, tổ chức hành nghề công chứng	Chứng thực	3152/QĐ-BTP ngày 31/10/2025	100/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025	387/QĐ-TTPVHCC ngày 30/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
321	Sở Tư pháp	2.001035	Chứng thực giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/giao dịch. (Cá nhân, hộ gia đình vay vốn tại tổ chức tín dụng để phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định tại Nghị định số 55/2015/NĐ-Về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn thì không phải nộp phí chứng thực hợp đồng thế chấp tài sản)	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
322	Sở Tư pháp	2.001019	Chứng thực di chúc	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/di chúc	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
323	Sở Tư pháp	2.001016	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/văn bản	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
324	Sở Tư pháp	2.001406	Chứng thực văn bản phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	50.000 đồng/văn bản	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
325	Sở Tư pháp	2.000927	Sửa lỗi sai sót trong giao dịch	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	25.000 đồng/giao dịch	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
326	Sở Tư pháp	2.000942	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính giao dịch đã được chứng thực	Chứng thực	858/QĐ-BTP ngày 27/3/2026	111/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	đang chờ dự thảo	2.000 đồng/trang; từ trang thứ 3 trở lên thu 1.000 đồng/trang, tối đa thu không quá 200.000 đồng/bản. Trang là căn cứ để thu phí được tính theo trang của bản chính	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
327	Sở Tư pháp	2.002621	Liên thông Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	Hộ tịch	296/QĐ-VPCP ngày 12/6/2024	3211/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	Đang cập nhật	- Trường hợp Đăng ký khai sinh đúng hạn: Miễn lệ phí. - Trường hợp Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000đ/1 việc.	Liên thông điện tử				
328	Sở Tư pháp	2.002622	Liên thông Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất	Hộ tịch	296/QĐ-VPCP ngày 12/6/2024	3211/QĐ-UBND ngày 21/6/2024	Đang cập nhật	- Trường hợp Đăng ký khai tử đúng hạn: Miễn lệ phí. - Trường hợp Đăng ký khai sinh không đúng hạn: 5.000đ/1 việc.	Liên thông điện tử				

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
329	Sở Xây dựng	1.013061	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	Đường bộ	901/QĐ-BGTVT ngày 24/6/2025	957/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1092/QĐ-TTPVHCC ngày 23/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; Ban QL; UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND TP: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
330	Sở Xây dựng	1.013274	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	Đường bộ	871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	1056/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; Ban QL; UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND ngày 04/12/2025 của UBND TP: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội		Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
331	Sở Xây dựng	1.000314	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	Đường bộ	871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	1056/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
332	Sở Xây dựng	2.001921	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin công cộng, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bán xích lưu hành trên đường bộ	Đường bộ	871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	1056/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
333	Sở Xây dựng	1.009465	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	1651/QĐ-TTPVHCC ngày 08/12/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội		Chi nhánh TTPVHCC
334	Sở Xây dựng	1.009444	Gia hạn hoạt động cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	1056/QĐ-TTPVHCC ngày 11/7/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/7/2025	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
335	Sở Xây dựng	1.005040	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
336	Sở Xây dựng	1.004088	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
337	Sở Xây dựng	1.004047	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
338	Sở Xây dựng	2.001711	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
339	Sở Xây dựng	1.004002	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
340	Sở Xây dựng	1.003970	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
341	Sở Xây dựng	1.006391	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính Thành phố khác	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
342	Sở Xây dựng	1.003930	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
343	Sở Xây dựng	1.004036	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	70.000 đồng / giấy	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
344	Sở Xây dựng	2.001659	Xóa đăng ký phương tiện	Hàng hải và đường thủy nội địa	902/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	932/QĐ-TTPVHCC ngày 27/6/2025	1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
345	Sở Xây dựng	1.009447	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
346	Sở Xây dựng	1.003658	Công bố lại hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	100.000 VND	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
347	Sở Xây dựng	1.009452	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
348	Sở Xây dựng	1.009453	Thỏa thuận thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
349	Sở Xây dựng	1.009454	Công bố hoạt động bến thủy nội địa	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
350	Sở Xây dựng	1.009455	Công bố hoạt động bến khách ngang sông, bến thủy nội địa phục vụ thi công công trình chính	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Phí Thẩm tra, thẩm định: 100.000 đồng/lần	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
351	Sở Xây dựng	2.001215	Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
352	Sở Xây dựng	2.001212	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
353	Sở Xây dựng	2.001214	Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
354	Sở Xây dựng	2.001211	Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
355	Sở Xây dựng	2.001218	Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
356	Sở Xây dựng	2.001217	Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	Hàng hải và đường thủy nội địa	870/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	QĐ 933/TTPVHCC ngày 27/06/2025	1104/QĐ-TTPVHCC ngày 25/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
357	Sở Xây dựng	1.013239	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1704/QĐ-TTPVHCC ngày 15/12/2025	<p>PHÍ THẨM ĐỊNH: Số phí phải nộp = Tổng mức đầu tư (tính theo giá trị đề nghị thẩm định) x Mức thu phí. (quy định tại Biểu mức thu phí); (Biểu phí Ban hành kèm theo Thông tư số 28/2023/TT- BTC ngày 12/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) - Mức thu phí tính theo tỷ lệ % trên tổng mức đầu tư dự án được áp dụng tại từng cơ quan thẩm định. - Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 giảm 50% phí theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT- BTC</p>	Thành phố, cấp xã	Sở (Bộ phận Một cửa Sở Công thương, Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban QL); UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội		Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
358	Sở Xây dựng	1.013234	Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1704/QĐ-TTPVHCC ngày 15/12/2025	PHÍ THẨM ĐỊNH: - Mức thu phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí xây dựng trong dự toán công trình đề nghị thẩm định được áp dụng tại từng cơ quan thẩm định. - Phí thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, phí thẩm định dự toán xây dựng tối đa không quá 150.000.000 đồng/chi phí thẩm định/cơ quan thẩm định và tối thiểu không dưới 500.000 đồng/chi phí thẩm định/cơ quan thẩm định. - Từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 giảm 50% phí theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT- BTC	Thành phố, cấp xã	Sở (Bộ phận Một cửa Sở Công thương, Bộ phận Một cửa Sở Xây dựng, Bộ phận Một cửa Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ban QL); UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông trên địa bàn thành phố Hà Nội		Chi nhánh TTPVHCC
359	Sở Xây dựng	1.013225	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo /Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ-TTPVHCC ngày /23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
360	Sở Xây dựng	1.013229	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ-TTPVHCC ngày /23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã	1913/QĐ-UBND	31/12/2029	Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
361	Sở Xây dựng	1.013226	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ-TTPVHCC ngày /23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã	1913/QĐ-UBND	31/12/2029	Điểm hỗ trợ DVC số
362	Sở Xây dựng	1.013232	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ-TTPVHCC ngày /23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã	1913/QĐ-UBND	31/12/2029	Điểm hỗ trợ DVC số
363	Sở Xây dựng	1.013227	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ-TTPVHCC ngày /23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông		Điểm hỗ trợ DVC số
364	Sở Xây dựng	1.013228	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ.	Hoạt động xây dựng	864/QĐ-BXD ngày 19/6/2025	948/QĐ-TTPVHCC NGÀY 27/06/2025	1093/QĐ-TTPVHCC ngày /23/07/2025	150.000 đ (75.000 đồng đối với nhà ở riêng lẻ)	Cấp xã	UBND cấp xã	Quyết định 74/2025/QĐ-UBND: Về việc ban hành quy định về phân cấp một số nội dung thuộc lĩnh vực xây dựng, giao thông		Điểm hỗ trợ DVC số
365	Sở Xây dựng	1.012888	Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	Nhà ở công sở	903/QĐ-BXD ngày 24/6/2025	1024/QĐ-TTPVHCC NGÀY 03/07/2025	1095/qđ-TTPVHC ngày 24/07/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
366	Sở Xây dựng	1.002693	Cấp phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Hạ tầng kỹ thuật	1813/QĐ-BXD ngày 20/10/2025	1504/QĐ-TTPVHCC 29 tháng 10 năm 2025	671/QĐ-TTPVHCC ngày 28/4/2025	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
367	Sở Xây dựng	1.014632	Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	Nhà ở	2417/QĐ-BXD ngày 26/12/2025	118/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	Chưa có	Không quy định	Thành phố, cấp xã	VPĐKĐĐ, Xã/Phường, Công an Xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
368	Công an Thành phố	1.013313	Xác nhận nơi thường xuyên đậu, đỗ; sử dụng phương tiện vào mục đích để ở	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	9354/QĐ-BCA-C06 ngày 20/11/2025	102/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025	Chưa có	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
369	Công an Thành phố	1.013314	Xác nhận về điều kiện diện tích bình quân nhà ở để đăng ký thường trú vào chỗ ở do thuê, mượn, ở nhờ; nhà ở, đất ở không có tranh chấp quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất ở, không thuộc địa điểm không được đăng ký thường trú mới	Đăng ký, quản lý cư trú (Bộ Công an)	9354/QĐ-BCA-C06 ngày 20/11/2025	102/QĐ-TTPVHCC ngày 18/02/2025	Chưa có	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
370	Công an Thành phố	3.000494	Phục hồi hoạt động của cơ sở, phương tiện giao thông cơ giới, hộ gia đình và cá nhân	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	5461/QĐ-BCA-C07 ngày 27/6/2025	1167/QĐ-TTPVHCC ngày 12/8/2025	129/QĐ-TTPVHCC ngày 28/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
371	Công an Thành phố	3.000509	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, bị thương	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	5461/QĐ-BCA-C07 ngày 27/6/2025	1167/QĐ-TTPVHCC ngày 12/8/2025	129/QĐ-TTPVHCC ngày 28/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
372	Công an Thành phố	3.000510	Chế độ, chính sách đối với người được huy động, người tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ chưa tham gia bảo hiểm xã hội, bị chết	Phòng cháy, chữa cháy (Bộ Công an)	5461/QĐ-BCA-C07 ngày 27/6/2025	1167/QĐ-TTPVHCC ngày 12/8/2025	129/QĐ-TTPVHCC ngày 28/01/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
373	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.014155	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/QĐ-BXD	1261/QĐ-TTPVHCC	1474/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; Ban quản lý; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
374	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.014156	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/QĐ-BXD	1261/QĐ-TTPVHCC	1474/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; Ban QL; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
375	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.014157	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/QĐ-BXD	1261/QĐ-TTPVHCC	1474/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; Ban quản lý; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
376	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.014158	Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/QĐ-BXD	1261/QĐ-TTPVHCC	1474/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; Sở; Ban QL, UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
377	Sở Quy hoạch Kiến trúc	1.014159	Cung cấp thông tin về quy hoạch đô thị và nông thôn.	Quy hoạch đô thị và nông thôn	1390/QĐ-BXD	1261/QĐ-TTPVHCC	1474/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Thành phố, cấp xã	Sở; Ban quản lý; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
378	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012590	Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ-BD TTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
379	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012585	Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ-BD TTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
380	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012599	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ-BD TTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
381	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012598	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ-BD TTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
382	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012596	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	364/QĐ-BD TTG ngày 24/06/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
383	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012592	Thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ-BD TTG ngày 28/03/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
384	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012591	Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ-BD TTG ngày 28/03/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
385	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012584	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ-BD TTG ngày 28/03/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
386	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012582	Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác	Tín ngưỡng, tôn giáo	134/QĐ-BD TTG ngày 28/03/2025	947/QĐ-TTPVHCC ngày 27/06/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
387	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012222	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Dân tộc	988/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	269/QĐ-TTPVHCC ngày 20/03/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
388	Sở Dân tộc Tôn giáo	1.012223	Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	Dân tộc	988/QĐ-UBND ngày 21/12/2023	269/QĐ-TTPVHCC ngày 20/03/2025	1211/QĐ-TTPVHCC	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
389	Thanh tra Thành phố	2.002501	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	Phòng, chống tham nhũng	194/QĐ-TTCT	2316/QĐ-UBND	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			UBND cấp xã
390	Thanh tra Thành phố	1.010945	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	Phòng, chống tham nhũng	193/QĐ-TTCT	2316/QĐ-UBND	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			UBND cấp xã
391	Thanh tra Thành phố	2.002396	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	Phòng, chống tham nhũng	587/QĐ-TTCT	1132/QĐ-TTPVHCC	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			UBND cấp xã
392	Thanh tra Thành phố	2.002409	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	Phòng, chống tham nhũng	587/QĐ-TTCT	1132/QĐ-TTPVHCC	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			UBND cấp xã
393	Sở Tài chính	1.014736	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị	Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia	94/QĐ-BTC ngày 20/01/2026	271/QĐ-TTPVHCC ngày 04/3/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC
394	Sở Tài chính	2.002226	Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
395	Sở Tài chính	2.002228	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
396	Sở Tài chính	2.002668	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 147/QĐ-TTPVHCC ngày 02/02/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
397	Sở Tài chính	2.002648	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025	122/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	QĐ số 364/QĐ-TTPVHCC ngày 25/3/2026	Cập nhật, bổ sung thông tin: 30.000 đồng	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
398	Sở Tài chính	2.002649	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
399	Sở Tài chính	2.002641	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025	122/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	QĐ số 364/QĐ-TTPVHCC ngày 25/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
400	Sở Tài chính	2.002640	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
401	Sở Tài chính	2.002639	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
402	Sở Tài chính	2.002643	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025	122/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	QĐ số 364/QĐ-TTPVHCC ngày 25/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
403	Sở Tài chính	2.002642	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
404	Sở Tài chính	2.002638	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025	122/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	QĐ số 364/QĐ-TTPVHCC ngày 25/3/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
405	Sở Tài chính	2.002636	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
406	Sở Tài chính	2.002637	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
407	Sở Tài chính	2.002635	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
408	Sở Tài chính	1.004901	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	30.000 đồng	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
409	Sở Tài chính	1.005010	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
410	Sở Tài chính	2.001958	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
411	Sở Tài chính	1.004979	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	30.000 đồng	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
412	Sở Tài chính	1.004982	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
413	Sở Tài chính	1.005378	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	30.000 đồng	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
414	Sở Tài chính	1.005277	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	30.000 đồng	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
415	Sở Tài chính	2.002123	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	4167/QĐ-BTC ngày 15/12/2025	122/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026	QĐ số 364/QĐ-TTPVHCC ngày 25/3/2026	100.000 đồng	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
416	Sở Tài chính	1.005280	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Bộ Tài chính)	2103/QĐ-BTC ngày 23/06/2025	951/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1025/QĐ-TTPVHCC ngày 03/7/2025	200.000 đồng	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
417	Sở Tài chính	1.014034	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1191/QĐ-TTPVHCC ngày 19/8/2025	- 100.000 đồng (nộp hồ sơ trực tiếp) - Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
418	Sở Tài chính	1.014035	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1191/QĐ-TTPVHCC ngày 19/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số

STT	Cơ quan thuộc phạm vi quản lý	Mã TTHC	Tên TTHC	Lĩnh vực	QĐ Công bố của Bộ	QĐ Công bố của TP	QĐ phê duyệt QTNB	Phí, lệ phí	Cấp thực hiện	Thẩm quyền giải quyết	QĐ Ủy quyền (nếu có)	Thời hạn ủy quyền	Địa điểm tiếp nhận
419	Sở Tài chính	2.000575	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1191/QĐ-TTPVHCC ngày 19/8/2025	- 100.000 đồng (nộp hồ sơ trực tiếp) - Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
420	Sở Tài chính	1.001266	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1191/QĐ-TTPVHCC ngày 19/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
421	Sở Tài chính	1.001570	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1191/QĐ-TTPVHCC ngày 19/8/2025	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
422	Sở Tài chính	2.000720	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1191/QĐ-TTPVHCC ngày 19/8/2025	- 100.000 đồng (nộp hồ sơ trực tiếp) - Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
423	Sở Tài chính	1.001612	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh	2353/QĐ-BTC ngày 03/7/2025	1076/QĐ-TTPVHCC	QĐ số 1191/QĐ-TTPVHCC ngày 19/8/2025	- 100.000 đồng (nộp hồ sơ trực tiếp) - Miễn phí khi nộp hồ sơ trực tuyến	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
424	Sở Tài chính	1.014371	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã (sau đây gọi tắt là Quỹ hợp tác xã) địa phương hoạt động theo mô hình hợp tác xã	Thành lập và hoạt động của tổ hợp tác xã, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	3457/QĐ-BTC ngày 10/10/2025	1567/QĐ-TTPVHCC ngày 11/11/2025	QĐ số 147/QĐ-TTPVHCC ngày 02/02/2026	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
425	Sở Tài chính	1.014737	Lựa chọn, phê duyệt dự án phát triển sản xuất cộng đồng	Quản lý các chương trình mục tiêu quốc gia	94/QĐ-BTC ngày 20/1/2026	271/QĐ-TTPVHCC ngày 04/3/2026	Đang cập nhật	Không quy định	Cấp xã	UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số
426	Sở Tài chính	3.000410	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế	Quản lý công sản (Bộ Tài chính)	4191/QĐ-BTC ngày 17/12/2025	QĐ số 41/QĐ-TTPVHCC ngày 09/01/2026	QĐ số 109/QĐ-TTPVHCC ngày 26/01/2026	Không quy định	Thành phố, cấp xã	UBND thành phố; UBND cấp xã			Điểm hỗ trợ DVC số; Chi nhánh TTPVHCC